

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 50 (09/12-13/12/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: Tỷ lệ lạm phát hàng năm đã tăng trong tháng thứ 2 liên tiếp lên 2,7% trong tháng 11/2024; Giá sản xuất tại công (PPI) ở nhà máy tăng 0,4%.
- Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát hàng năm bất ngờ giảm xuống 0,2% trong tháng 11/2024; Hoạt động ngoại thương có dấu hiệu tích cực.
- ECB: Quyết định cắt giảm LSCB lần thứ 4, giảm 25 điểm cơ bản.
- PBoC: Dự kiến sẽ sát giảm lãi suất và yêu cầu dự trữ bắt buộc

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- BKHĐT: Phân đầu mức tăng trưởng 8% vào năm 2025.
- Chính phủ: Chính phủ yêu cầu tăng tốc, bứt phá để đạt và vượt toàn bộ 15/15 chỉ tiêu, mục tiêu của năm 2024.
- Standard Chartered: USD tăng mạnh, tăng trưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt 6.7% trong năm 2025.
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm ở tất các phiên trong tuần.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 327.546 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 92.731 tỷ VND cổ phiếu. Lãi suất trúng thầu tăng nhẹ so với đầu năm 2024 ở kỳ hạn 10 năm (+0,58 điểm) và 30 năm (+0,33 điểm).

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	4,5	0,78	8,48	-1,7
1 Tuần	4,71	-2,33	12,1	-10,53
2 Tuần	4,74	-2,87	12,82	-11,82
1 Tháng	5,11	1,72	12,1	-7,82
3 Tháng	5,47	-0,66	11,82	-10,57
6 Tháng	5,48	4,02	9,64	-6,9
9 Tháng	5,52	-18,42	31,77	-44,76

Ghi chú: Ngày áp dụng 12/12/2024

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
09/12/2024	7		6/6	4.999,97	4
	14		2/2	5.500	4
	28		3/3	1.000	4
10/12/2024	7		11/11	4.999,99	4
	14		2/2	850	4
	28		2/2	800	4
11/12/2024	7		17/17	19.999,93	4
	14		1/1	1.500	4
	28		12/12	20.000	4
12/12/2024	7		1/1	200	4
	14		5/5	1.000	4
	28		4/4	6.900	4
13/12/2024	7		1/1	200	4
	14				
	28				

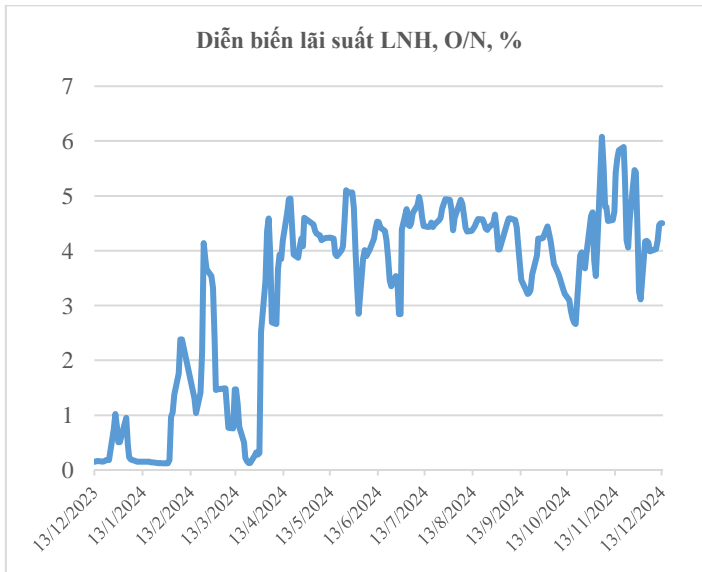
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 50 (09/12-13/12/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,25		0,67			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		60%		19%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	81.250		2.000			
3	7 Năm	6.000		-			
4	10 Năm	280.750		4.500			
5	15 Năm	138.500		1.000			
6	20 Năm	14.000		-			
7	30 Năm	27.400		1.500			
Tổng		547.900		9.000			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	98.031	1,3	1.000	2		
3	7 Năm	3.245	2	-	-		
4	10 Năm	400.582	2,08	2.950	2,71		
5	15 Năm	151.001	2,28	950	3,05		
6	20 Năm	11.456	2,6	-	-		
7	30 Năm	22.728	2,8	1.140	3,18		
Tổng		687.043		6.040			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	47.870	1,37	500	2	+0,04	+0,5
3	7 Năm	795	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	197.110	2,15	1.200	2,73	+0,05	+0,58
5	15 Năm	65.859	2,35	-	-	-	-
6	20 Năm	6.030	2,65	-	-	-	-
7	30 Năm	9.882	2,85	40	3,18	-	+0,33
Tổng		327.546		1.740			

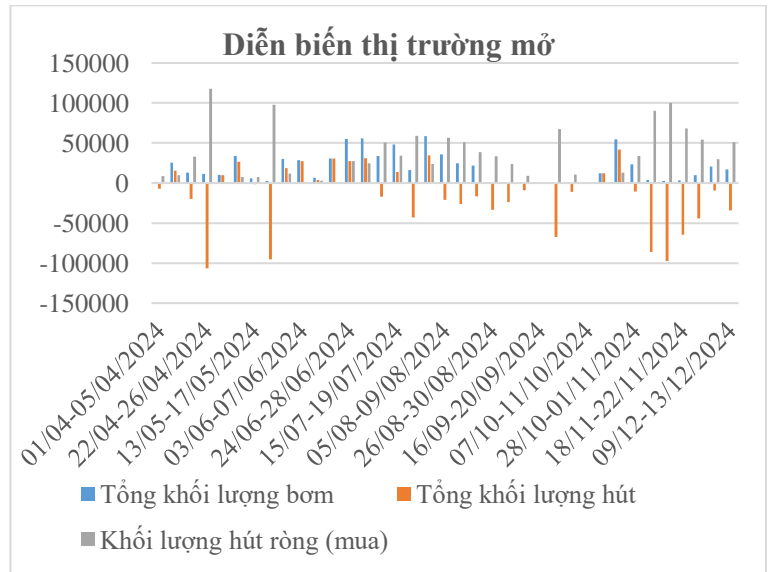
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

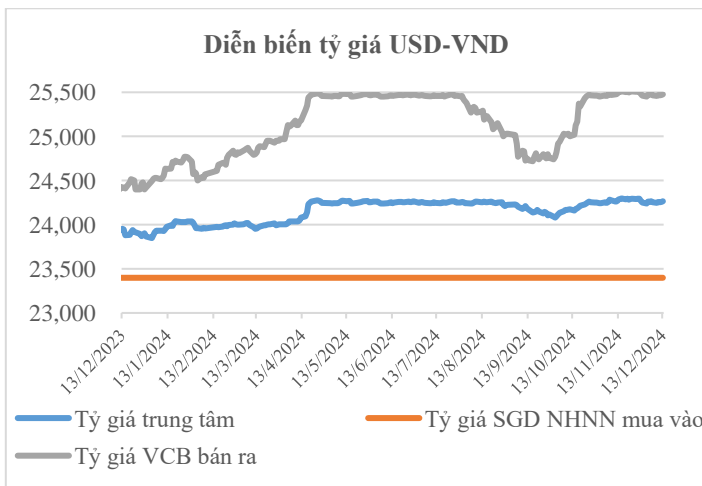


Nguồn: NHNN

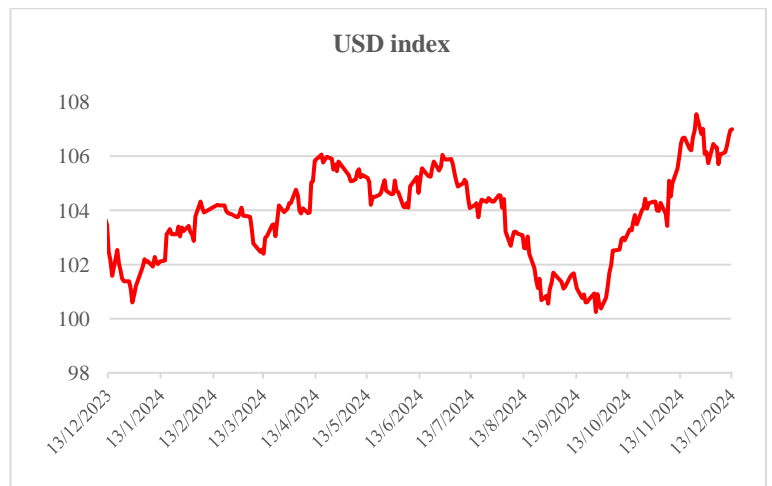


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

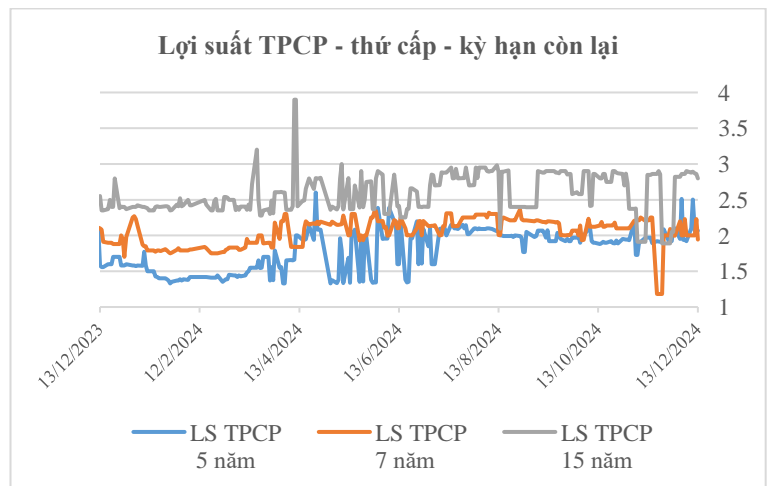
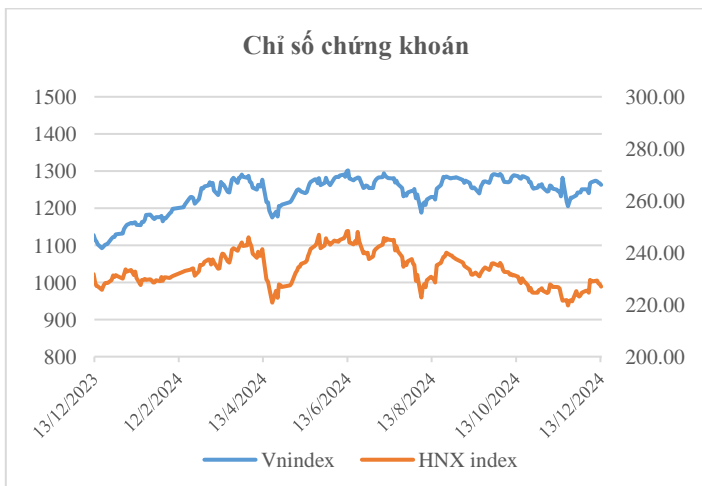


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 50 (09/12-13/12/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	4.75%	5.00%	19/09/2024	18/12/2024
ECB	EURO Zone	3.00%	3.25%	17/10/2024	05/02/2025
BOJ	Nhật Bản	0.25%	0.00 %	31/07/2024	19/12/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.10%	3.35 %	22/07/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/02/2025
BoE	Anh	4.75%	5.00%	01/08/2024	19/12/2024
BOK	Hàn Quốc	3.00 %	3.25 %	11/10/2024	16/01/2025
BI	Indonesia	6.00%	6.25%	18/09/2024	18/12/2024
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	22/01/2025
BOT	Thái Lan	2.25%	2.50%	16/10/2024	18/12/2024
CBR	Nga	21.00%	19.00%	13/09/2024	20/12/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.05010	-0.63%	-0.27%	-4.46%
GBPUSD	1.26185	-0.96%	-0.38%	-1.16%
AUDUSD	0.63590	-0.49%	-1.49%	-5.05%
USDJPY	153.750	2.52%	-1.74%	8.37%
USDCNY	7.28110	-0.02%	0.40%	2.21%
USDCAD	1.42400	0.58%	1.27%	6.22%
USD RUB	104.4955	3.93%	4.84%	16.73%
USDKRW	1434.03	0.26%	2.75%	10.28%
DX	106.940	0.83%	0.07%	4.89%
USDTHB	34.0500	-0.03%	-2.21%	-2.44%
USDSGD	1.34925	0.52%	0.23%	1.63%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.3960	0.23%	-0.05%	0.47%
United Kingdom	4.4185	0.14%	-0.07%	0.63%
Japan	1.0405	-0.01%	-0.02%	0.36%
Australia	4.3140	0.07%	-0.39%	0.18%
Germany	2.2470	0.13%	-0.10%	0.12%
China	1.7800	-0.18%	-0.31%	-0.88%
Singapore	2.7540	0.05%	-0.18%	0.02%
South Korea	2.6760	-0.08%	-0.42%	-0.67%
Taiwan	1.6090	0.06%	0.08%	0.44%
Thailand	2.3000	-0.01%	-0.12%	-0.54%
Vietnam	2.9570	0.05%	0.10%	0.56%
Hong Kong	3.4060	0.17%	0.04%	-0.03%
Indonesia	7.0430	0.13%	0.10%	0.33%
Malaysia	3.8170	0.00%	-0.10%	0.09%
Philippines	5.8600	-0.07%	-0.14%	-0.19%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1Y	+/_% 3 Y
Dow Jones	-1.82%	+0.88%	+16.29%	+17.49%	+22.09%
S&P 500	-0.64%	+3.07%	+26.86%	+28.22%	+29.61%
Nasdaq	+0.34%	+6.67%	+32.74%	+34.51%	+31.27%
DAX	+0.10%	+6.22%	+21.81%	+21.82%	+30.50%
FTSE 100	-0.10%	+2.94%	+7.33%	+9.56%	+14.32%
CAC 40	-0.23%	+1.92%	-1.77%	-2.47%	+5.77%
Euro Stoxx 50	-0.21%	+3.60%	+9.86%	+9.19%	+18.22%
Nikkei 225	+1.02%	+2.19%	+18.01%	+19.78%	+35.86%
Shanghai	-0.36%	+1.84%	+14.02%	+15.27%	-7.70%
Hang Seng	+0.53%	+2.80%	+17.15%	+18.93%	-14.93%
SET	-1.40%	-0.76%	+1.12%	+2.92%	-12.99%
KOSPI	+2.73%	+3.21%	-6.06%	-2.70%	-17.03%
IDX Com	-0.79%	+2.28%	+0.71%	+1.86%	+11.07%
PSEi	-1.67%	-0.90%	+2.58%	+2.13%	-8.53%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	71.290	6.09%	3.77%	-0.86%
Natural gas USD/MMBtu	3.2800	6.63%	17.77%	45.13%
Gasoline USD/Gal	1.9948	4.80%	0.97%	-6.31%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2647.30	0.53%	3.13%	30.05%
Silver USD/t.oz	30.465	-1.56%	0.32%	26.20%
Lithium CNY/T	76400	-0.65%	-3.23%	-21.64%
Platinum SD/t.oz	922.70	-0.85%	-1.64%	-3.68%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	4.1445	0.15%	1.76%	6.58%
Steel CNY/T	3287.00	0.37%	1.51%	-16.93%
Iron Ore USD/T	105.31	1.15%	3.02%	-22.12%
Aluminum USD/T	2615.00	0.23%	3.69%	18.33%
Tin USD/T	29097	-0.19%	0.57%	14.70%
Zinc USD/T	3088.00	0.49%	5.21%	23.87%
Nikel USD/T	15876	-0.85%	0.90%	-5.29%
Coal USD/T	133.00	0.30%	-6.01%	-9.06%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Mỹ:

Tỷ lệ lạm phát hàng năm đã tăng trong tháng thứ 2 liên tiếp lên 2,7% trong tháng 11/2024 từ mức 2,6% ở tháng trước.

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tăng vọt 17 nghìn đơn lên 242 nghìn trong tuần đầu tiên của tháng 12, cao hơn nhiều so với kỳ vọng thị trường là giảm xuống còn 220 nghìn, đánh dấu số lượng đơn xin trợ cấp mới cao nhất kể từ tháng 10.

Giá sản xuất tại công (PPI) ở nhà máy tăng 0,4% so với tháng 11 và con số này cũng gấp đôi dự báo của thị trường là 0,2%. Đây cũng là mức tăng hàng tháng lớn nhất trong năm tháng.

PPI lõi (tháng 10/ tháng 11/ tháng 12)

+ 0,2%/0,3%/0,3%

Chỉ số lạc quan của doanh nghiệp nhỏ (NFFIB) đã tăng vọt lên 101,7 điểm trong tháng 11/2024, mức cao nhất kể từ tháng 6 năm 2021, so với mức 93,7 vào tháng 10 và vượt qua dự báo là 94,2. Đây cũng là lần đầu tiên trong 34 tháng.

Trung Quốc:

Tỷ lệ lạm phát hàng năm bất ngờ giảm xuống 0,2% trong tháng 11/2024 từ mức 0,3% của tháng trước, thấp hơn dự báo của thị trường là 0,5% và đánh dấu con số thấp nhất kể từ tháng 6.

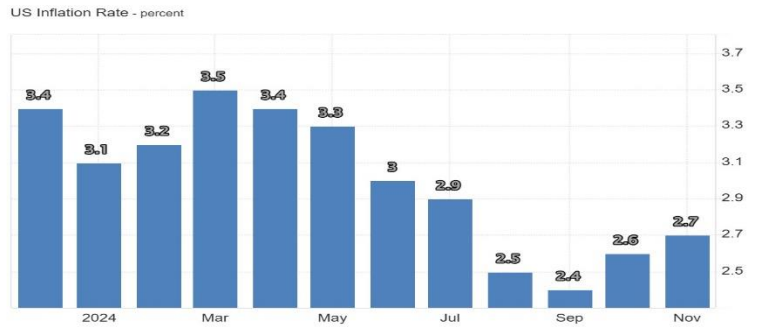
Hoạt động ngoại thương có dấu hiệu tích cực

+ Nhập khẩu: -3,9% xuống còn 214,87 tỷ USD

+ Xuất khẩu: +6,7% lên 312,31 tỷ USD

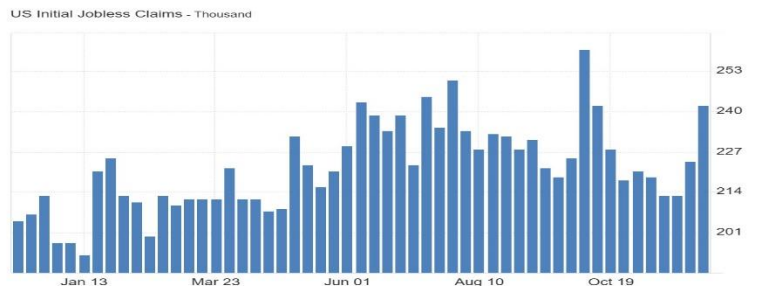
Do đó, thặng dư thương mại tăng vọt lên 97,44 tỷ USD trong tháng 11/2024 từ mức 69,45 tỷ USD. Đây là mức thặng dư thương mại lớn nhất kể từ tháng 6, khi xuất khẩu tăng trong khi nhập khẩu giảm

Tỷ lệ lạm phát hàng năm tăng



Source: tradingeconomics.com | U.S. Bureau of Labor Statistics

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tăng vọt



Source: tradingeconomics.com | U.S. Department of Labor

Nguồn: BLS/Tradingeconomics

Tỷ lệ lạm phát hàng năm



Source: tradingeconomics.com | EUROSTAT

Nguồn: Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới có lúc giảm mạnh

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay đã giảm xuống dưới 2.670 USD/oz, dao động từ mức tăng trước đó và kéo dài đợt giảm giá của ngày hôm qua trong bối cảnh không chắc chắn về quy mô cắt giảm lãi suất của Fed vào năm tới.

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu tương lai Brent tăng 1,5% xuống còn 74,5 USD/thùng. Hợp đồng dầu tương lai WTI tăng 1,8% còn 71,3 USD/thùng.

Giá cả hai hợp đồng dầu đều tăng là do nguồn cung toàn cầu thắt chặt và nhu cầu nhiên liệu tăng.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

NHTW các nước

ECB: quyết định cắt giảm LSCB lần thứ 4 giảm 25 điểm cơ bản

Như dự kiến, ECB đã quyết định cắt giảm lãi suất chủ chốt lần thứ tư trong năm nay giảm 25 điểm cơ bản vào tháng 12/2024.

Điều này phản ánh triển vọng lạm phát thuận lợi hơn và những cải thiện trong truyền tải chính sách tiền tệ. Lạm phát dự kiến sẽ giảm dần, với dự báo là 2,4% vào năm 2024, 2,1% vào năm 2025 và 1,9% vào năm 2026. Lạm phát cơ bản, không bao gồm năng lượng và thực phẩm, cũng dự kiến sẽ giảm, với mục tiêu là 2% trong trung hạn. Mặc dù nói lỏng các điều kiện tài trợ do cắt giảm lãi suất, chi phí đi vay vẫn eo hẹp do các đợt tăng trước đó vẫn ảnh hưởng đến các khoản vay hiện có. Phục hồi kinh tế dự kiến sẽ chậm hơn trước, với mức tăng trưởng dự kiến là 0,7% vào năm 2024, 1,1% vào năm 2025 và 1,4% vào năm 2026. ECB vẫn tập trung vào việc đảm bảo lạm phát trở lại mục tiêu 2% và sẽ điều chỉnh các chính sách của mình dựa trên dữ liệu đầu vào, mà không cam kết theo lộ trình lãi suất cố định.

Nguồn: Tradingeconomics

Pboc: Dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất và yêu cầu dự trữ bắt buộc

Theo giám đốc Ngân hàng nhân dân Trung Quốc Wang Xin” Pboc sẽ cắt giảm lãi suất và yêu cầu dự trữ bắt buộc vào năm tới”

Wang cho biết” có dự định để giảm thêm RRR từ mức trung bình hiện tại là 6,6%”. Dữ liệu cho thấy các ngân hàng Trung Quốc đã mở rộng 580 tỷ CNY cho các khoản vay nhân dân tệ mới vào tháng 11/2024, thấp hơn nhiều so với kỳ vọng của thị trường là 950 tỷ CNY và ít hơn một nửa so với 1,170 nghìn tỷ CNY của cùng kỳ năm trước, làm nổi bật nhu cầu tín dụng yếu ở đại lục. Thứ Năm tuần trước, Trung Quốc cho biết họ sẽ tăng thâm hụt ngân sách, phát hành thêm nợ và nói lỏng chính sách tiền tệ để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định. Theo Reuters đưa tin, nền kinh tế Trung Quốc dự kiến sẽ tăng trưởng khoảng 5% trong năm nay, trích dẫn Han Wenxiu, phó giám đốc Ủy ban Tài chính và Kinh tế trung ương của nước này.

Nguồn: Tradingeconomics

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. KINH TẾ VĨ MÔ

Phấn đấu mức tăng trưởng 8% vào năm 2025

- Vào năm 2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển KT - XH, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 6,5-7%, phấn đấu đạt 7-7,5%. Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ đặt mục tiêu cao hơn, đạt 8% trong năm 2025.

- Cơ sở cho mục tiêu này là đà tăng trưởng từ năm 2024 và những thay đổi lớn về thể chế, đặc biệt là các luật mới sẽ có hiệu lực từ đầu năm 2025, giúp giải phóng nguồn lực và thúc đẩy tăng trưởng.

Chính phủ yêu cầu tăng tốc, bứt phá để đạt và vượt toàn bộ 15/15 chỉ tiêu, mục tiêu của năm 2024

- Quyết liệt, khẩn trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động theo Nghị quyết số 18-NQ/TW.

- Tập trung rà soát, tháo gỡ những điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách, huy động tối đa các nguồn lực xã hội.

- Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, quyết tâm hoàn thành cao nhất Kế hoạch phát triển KT - XH năm 2024, tạo đà tăng tốc, bứt phá, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 8% trong năm 2025.

- Quyết liệt, tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia; khẩn trương hoàn thiện, ban hành và triển khai các quy hoạch trong năm 2024.

- Thủ tướng quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng 8%, nhằm chuẩn bị cho kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ của đất nước. Mục tiêu dài hạn là đạt thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước phát triển vào năm 2045. Thủ tướng Trần Quốc Phương nhấn mạnh cần quyết tâm thực hiện mục tiêu, dù có khó khăn.

Nguồn: Bộ KH-ĐT

- Tập trung cao độ thực hiện các giải pháp phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực trọng điểm; bảo đảm an ninh năng lượng, lương thực quốc gia; đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo, các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao.

- Phát triển mạnh thị trường và kích cầu tiêu dùng trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu; thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phục vụ dịp cuối năm và Tết Nguyên đán Ất Ty 2025; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi; quyết liệt tháo gỡ các dự án tồn đọng, yếu kém.

- Chú trọng phát triển văn hóa - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; chủ động phòng, chống và kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nguồn: Chinhphu.vn

Standard Chartered: USD tăng mạnh, tăng trưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt 6.7% trong năm 2025

- Ngân hàng Standard Chartered dự báo GDP Việt Nam sẽ tăng trưởng 6,7% trong năm 2025, với mức tăng 7,5% trong nửa đầu năm và 6,1% trong nửa cuối năm. Tuy nhiên, USD dự báo sẽ tăng mạnh trong nửa cuối năm 2025 khi các chính sách thuế quan và tài khóa của Tổng thống Trump được triển khai. Lạm phát kéo dài và các yếu tố cấu trúc như hiệu quả kinh tế sẽ tác động đến thị trường ngoại hối, với chênh lệch tỷ giá là yếu tố chính.

USD có thể suy yếu vào đầu năm 2025 do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục cắt giảm lãi suất và sự bất ổn trong chính sách. Dữ liệu kinh tế Mỹ khả quan hơn dự kiến có thể gây áp lực lên các thị trường ngoại hối châu Á, trong đó có đồng Việt Nam. Tuy nhiên, việc cắt giảm lãi suất của Fed được kỳ vọng sẽ hỗ trợ các loại tiền tệ trong khu vực.

- Về tình hình kinh tế Việt Nam, xuất khẩu tăng 14,9% trong 10 tháng đầu năm 2024, trong khi nhập khẩu tăng 16,8%. Ngành sản xuất tiếp tục phát triển ổn định và chính sách tiền tệ phù hợp hỗ trợ sự phục hồi kinh tế. Đầu tư nước ngoài (FDI) cũng tăng mạnh, với giải ngân FDI tăng 8,8% và cam kết FDI tăng 1,9%. Ngành sản xuất chiếm phần lớn tổng vốn FDI cam kết, trong khi bất động sản cũng có sự gia tăng đáng kể.

Nguồn: UOB

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 50 (09/12-13/12/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 09/12-13/12, lãi suất VND liên ngân hàng tăng-giảm ở hầu hết các kỳ hạn qua các phiên. Chốt phiên ngày 12/12, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,50% (+0,51 điểm phần trăm); 1 tuần 4,71% (+0,56 điểm phần trăm); 2 tuần 4,74% (+0,56 điểm phần trăm); 1 tháng 5,11% (+0,22 điểm phần trăm) so với phiên 05/12.

- Tuần từ 09/12 - 13/12, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 51.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Có 50.999,89 tỷ đồng trúng thầu, có 30.000 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN đấu thầu lãi suất ở 2 kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày. Có 14.750 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, lãi suất ở mức 4,0%, có 2.200 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 28 ngày, lãi suất ở mức 4,0%. Có 2.550 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 50 (09/12-13/12/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 09/12-13/12, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm ở tất cả các phiên trong tuần. Chốt ngày 13/12, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.264 VND/USD, cao hơn 09 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và thấp hơn 24 đồng so với phiên cùng ngày tháng 11.

- Chỉ số USD Index biến động tăng mạnh qua từng phiên trong tuần từ 09/12-13-/12, mức điểm cao nhất trong tuần đạt 107.00 điểm. Chốt lại phiên ngày 13/12 ở mức 107.00 điểm cao hơn 0.94 điểm so với phiên cuối tuần trước và cao hơn 0.52 điểm so với phiên cùng ngày tháng 11.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 09/12 - 13/12 giảm phiên đầu tuần rồi tăng trở lại. Kết thúc phiên 13/12, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.403, tăng 14 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 60 đồng so với phiên cùng ngày tháng 11.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP & TP CBLCP:

Tuần 50 (09/12-13/12/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **1.740/ 9.000** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ bằng 19%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với **tuần** trước: 5 năm-lãi suất 2 % (tăng 0,04 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,73 % (tăng 0,05 điểm %); 30 năm-lãi suất 3,18 % (không tăng giảm điểm %);

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với cùng kỳ **tháng** trước: 5 năm-lãi suất 2 % (tăng 0,08 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,73 % (tăng 0,05 điểm %); 30 năm-lãi suất 3,18 % (tăng 0,03 điểm %);

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **327.546** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 900 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 0%). Lũy kế từ đầu năm đến 13/12/2024 là 379.915 tỷ VND (có 394 đợt thông báo phát hành).

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân 16.093 tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là **1.262,57** điểm (-7,57điểm; **-0,60%**) và HNX-Index đóng cửa ở 227 điểm (-1,93điểm; **-0,84%**) so với phiên cuối tuần trước.

Thị trường thứ cấp TPCP & TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 17.634 tỷ đồng/phiên, tăng 105,58% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	Tăng	0.15	điểm%
7 năm	Giảm	0.055	điểm%
10 năm	Tăng	1.062	điểm%
15 năm	Giảm	0.10	điểm%

Tuần qua NĐT NN mua ròng 324.21 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VND)
TUẦN 50 (09/12-13/12/2024)	324.21
Tháng 11-2024	157.29
Q3 - 2024	2,451.07
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 25.451 tỷ VND (Khối lượng 24.602)

Lũy kế từ khi có sàn giao dịch đạt giá trị 998,551 tỷ VND (KL đạt 2.063.122).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 06/12/2024 là 64,3%, tăng 4,49 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 1.325 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 92,731 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 13/12/2024 : 7,082 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 11,011 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
TTCP	Quyết định 1568/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban chỉ đạo về rà soát, tháo gỡ khó khăn vướng mắc liên quan đến các dự án	12/12/2024	12/12/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
CP	Nghị quyết số 233/NQ-CP của Chính phủ: Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 năm 2024	10/12/2024	10/12/2024	
TTCP	Công điện số 130/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc đôn đốc tập trung chỉ đạo, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy triển khai các dự án nhà ở xã hội	10/12/2024	10/12/2024	
TTCP	Chỉ thị số 44/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050	9/12/2024	9/12/2024	
TTCP	Quyết định 1544/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Điện lực	11/12/2024	11/12/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
CP	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết khoản 9 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Luật kế toán; Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước; Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật quản lý thuế; Luật thuế thu nhập cá nhân; Luật dự trữ quốc gia; Luật xử lý vi phạm hành chính	9/12/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpppl
BTC	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (lấy ý kiến đến ngày 20/12/2024)	9/12/2024		

BKHĐT	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	9/12/2024		
-------	---	-----------	--	--

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA